

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận**

Chương: **412**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTĐVNN ngày 25/4/2025 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
IV	Nguồn Thu dịch vụ, Khác	0
11.1	Nguồn dịch vụ	
11.2	Nguồn khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.438.857.219
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.438.857.219
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	24.438.857.219
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
	Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương	0
	Chi chuyên môn, quản lý	0
	Kinh phí CCTL tự chủ (Tiết kiệm 10%)	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.438.857.219
	Tiền lương và các khoản đóng góp theo lương; chi quản lý hành chính theo định mức	10.194.922.001
	Kinh phí đặc thù	
	Kinh phí san phẳng ruộng	90.360.000
	Hỗ trợ vật tư thiết yếu thực hiện cải tạo đàn bò bằng kỹ thuật TTNT	180.000.000
	Mô hình thâm canh cây nho NH01-152 công nghệ cao trong nhà màng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	205.749.000
	Tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ	46.800.000
	Tập huấn kỹ thuật sản xuất	79.940.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Hội thảo 'giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tổ khuyến nông cộng đồng - Qui mô: 80 người (40 người không hưởng lương, khách mời hưởng lương: 40 người)	27.160.000
	Hội nghị tập huấn kỹ thuật sản xuất một số đối tượng giống cá biển	15.400.000
	Hội nghị tập huấn kỹ thuật sản xuất một số giống nho ăn quả mới	11.400.000
	Kinh phí thực hiện kiến thiết lại vườn tập đoàn các giống nho (33 giống nho với diện tích 0,3 ha)	191.871.500
	Kinh phí thực hiện trồng táo trong hệ thống lưới ngăn côn trùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao (0,5 ha)	523.828.500
	Tiết kiệm 10% chi đặc thù	444.984.574
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên, đặc thù	169.296.000
	Nội dung thành phần 3: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp; triển khai mạnh mẽ Chương trình OCOP nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với BĐKH; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững (Mã số 00493)	1.339.400.000
	Nội dung thành phần số 7: Hỗ trợ nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng-xanh-sạch- đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn (Mã số 00497)	1.611.769.692
	Kinh phí giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	7.717.367.502
	Kinh phí giải quyết chế độ nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	1.588.608.450
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	